TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2022
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Mai
*Các Hội thẩm nhân dân**:*** Ông Nguyễn Hữu Long
Ông Trương Vĩnh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tố Lâm- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 684/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022QĐXX-HNGĐ ngày 08/02/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T sinh năm 1985
Nơi cư trú: Số 63 Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Lục Văn K , sinh năm 1989
Nơi cư trú: Liên gia 12, Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

(Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Trong đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2021 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B. Quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân chính do không hợp về tính cách và quan điểm sống, đến khoảng tháng 10 năm

2021 mâu thuẫn xảy ra trầm trọng quan nên đã sống ly thân nhau cho đến nay. Hiện nay chị không còn thương yêu anh K nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

2.Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2021 anh Lục Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị T tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2021 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại xã E, thành phố B. Đến tháng 9 năm 2021 chị T bỏ nhà đi và sống ly thân nhau từ đó đến nay. Hiện nay chị T làm đơn ly hôn thì tôi cũng đồng ý ly hôn; Về con chung, tài sản chung: Không có.

Do tôi bận công việc làm rẫy nên không thể lên Tòa án tham gia tố tụng nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án từ khi Tòa án thụ lý và tại phiên tòa sơ thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T; Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lục Văn K ; Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Ly hôn", đây là Tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Lê Thị T và anh Lục Văn K tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống và tính cách sống nên từ tháng 9 năm 2021 đến nay chị T và anh K đã sống ly thân nhau. Anh K cũng đồng ý ly hôn với chị T nhưng không lên Tòa án tham gia tố tụng nên không thể hòa giải được. Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã rất trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

……..

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Giữa chị T và anh K không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân*:* Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lục Văn K .

2.Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng

đã nộp theo biên lại thu số 0009834 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

3.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P. Thắng lợi ;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Lê Thị Mai